

Số: 22/2020/QĐ-UBND

Bến Tre, ngày 07 tháng 5 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng
trang bị cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý
trên địa bàn tỉnh Bến Tre**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;

Căn cứ Thông tư số 24/2019/TT-BTC ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô công;

Thực hiện văn bản cho ý kiến của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bến Tre tại Công văn số 2153-CV/TU ngày 01 tháng 4 năm 2020 và công văn số 203/HĐND-VP ngày 04 tháng 5 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thống nhất tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng trang bị cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Bến Tre;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ Trình số 1355/TTr-STC ngày 05 tháng 5 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng được quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5, 6 Điều 17 Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ trang bị cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động, đơn vị sự nghiệp công lập, ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị).

Điều 2. Nguyên tắc áp dụng

1. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng trang bị cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại Quyết định này được dùng làm căn cứ để lập kế hoạch mua sắm, điều chuyển xe ô tô chuyên dùng.

2. Đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ, nhiệm vụ đặc thù của ngành, lĩnh vực đề phục vụ công tác theo quy định.

Điều 3. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng trang bị cho cơ quan, tổ chức, đơn vị

1. Tiêu chuẩn, định mức trang bị xe ô tô chuyên dùng cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định tại Khoản 2, 3, 4, 5, 6 Điều 17 của Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô, được quy định chi tiết tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị có phát sinh nhu cầu thay đổi (tăng, giảm) tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng quy định tại khoản 1 Điều này, thì cơ quan, tổ chức, đơn vị có văn bản gửi về Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh (Sau khi có ý kiến thống nhất của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh) cho phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ được giao.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức, triển khai thực hiện Quyết định này; Kiểm tra, giám sát việc mua sắm xe ô tô chuyên dùng tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định hiện hành.

2. Căn cứ vào hoạt động cụ thể của mỗi cơ quan, tổ chức, đơn vị; dự toán ngân sách được duyệt hàng năm và tiêu chuẩn, định mức trang bị xe ô tô chuyên dùng quy định tại khoản 1 Điều 3 Quyết định này, người có thẩm quyền theo quy định tại Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công quyết định việc mua sắm, trang bị xe ô tô chuyên dùng cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

3. Kho bạc Nhà nước Bến Tre căn cứ tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng quy định tại Quyết định này thực hiện kiểm soát chi và thanh toán khi cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện mua sắm.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị; Giám đốc Kho bạc nhà nước Bến Tre; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Quyết định có hiệu lực từ ngày 19 tháng 5 năm 2020 và thay thế Quyết định số 268/QĐ-UBND ngày 10 tháng 02 năm 2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc quy định về chủng loại, số lượng xe chuyên dùng trang bị cho các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh Bến Tre; Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 268/QĐ-UBND ngày 10 tháng 02 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc quy định về chủng loại, số lượng xe chuyên dùng trang bị cho các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Cao Văn Trọng

Phụ lục
VỀ TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC XE Ô TÔ CHUYÊN DÙNG TRANG BỊ
CHO CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẾN TRE

(Ban hành kèm theo Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND
 ngày 07 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)

TT	Cơ quan, tổ chức, đơn vị	Chủng loại xe ô tô chuyên dùng	Số lượng xe ô tô chuyên dùng tối đa được trang bị cho 01 cơ quan, tổ chức, đơn vị (chiếc)	Mức giá tối đa trang bị cho 01 xe (ngàn đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
1	Văn phòng Tỉnh ủy				
		Xe ô tô trên 16 chỗ ngồi	2	1,050,000	Phục vụ đưa đón cán bộ lãnh đạo hưu trí
2	UBND huyện Chợ Lách				
2.1	Phòng TNMT huyện				
		Xe phun nước 6m ³	1	1,550,000	Rửa đường, tưới cây xanh
		Xe chuyên dùng chở rác 6 m ³ (3,5 tấn)	2	1,500,000	Xử lý rác trên địa bàn huyện
2.2	Trung tâm VHHTT và truyền thanh huyện				
		Xe chuyên dùng cho văn hóa TT và truyền thanh	1	1,000,000	Phục vụ công tác thông tin lưu động
3	UBND huyện Thạnh Phú				
3.1	Phòng TNMT huyện				
		Xe phun nước 6m ³	1	1,550,000	Rửa đường, tưới cây xanh
		Xe chuyên dùng chở rác 6 m ³ (3,5 tấn)	2	1,500,000	Xử lý rác trên địa bàn huyện

TT	Cơ quan, tổ chức, đơn vị	Chủng loại xe ô tô chuyên dùng	Số lượng xe ô tô chuyên dùng tối đa được trang bị cho 01 cơ quan, tổ chức, đơn vị (chiếc)	Mức giá tối đa trang bị cho 01 xe (ngàn đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
3.2	Trung tâm VH TT và truyền thanh huyện				
		Xe chuyên dùng cho văn hóa TT và truyền thanh	1	1,000,000	Phục vụ công tác thông tin lưu động
4	UBND huyện Châu Thành				
4.1	Phòng TNMT huyện				
		Xe phun nước 6m ³	1	1,550,000	Rửa đường, tưới cây xanh
		Xe chuyên dùng chở rác 6 m ³ (3,5 tấn)	2	1,500,000	Xử lý rác trên địa bàn huyện
4.2	Trung tâm VH TT và truyền thanh huyện				
		Xe chuyên dùng cho văn hóa TT và truyền thanh	1	1,000,000	Phục vụ công tác thông tin lưu động
5	UBND Thành phố Bến Tre				
5.1	Trung tâm VH TT và truyền thanh Thành phố Bến Tre				
		Xe chuyên dùng cho văn hóa TT và truyền thanh	1	1,000,000	Phục vụ công tác thông tin lưu động
5.2	Phòng Quản lý đô thị				
		Xe ô tô tải	1	900,000	Phục vụ công tác giữ gìn trật tự đô thị
6	UBND huyện Giồng Trôm				
6.1	Phòng TNMT huyện				
		Xe phun nước 6m ³	1	1,550,000	Rửa đường, tưới cây xanh

TT	Cơ quan, tổ chức, đơn vị	Chủng loại xe ô tô chuyên dùng	Số lượng xe ô tô chuyên dùng tối đa được trang bị cho 01 cơ quan, tổ chức, đơn vị (chiếc)	Mức giá tối đa trang bị cho 01 xe (ngàn đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
		Xe chuyên dùng chở rác 6 m ³ (3,5 tấn)	2	1,500,000	Xử lý rác trên địa bàn huyện
6.2	Trung tâm VH TT và truyền thanh huyện				
		Xe chuyên dùng cho văn hóa TT và truyền thanh	1	1,000,000	Phục vụ công tác thông tin lưu động
7	UBND huyện Ba Tri				
7.1	Ban QLCTGT đô thị và vệ sinh môi trường				
		Xe phun nước 6m ³	1	1,550,000	Rửa đường, tưới cây xanh
		Xe chuyên dùng chở rác 6 m ³ (3,5 tấn)	2	1,500,000	Xử lý rác trên địa bàn huyện
7.2	Trung tâm VH TT và truyền thanh huyện				
		Xe chuyên dùng cho văn hóa TT và truyền thanh	1	1,000,000	Phục vụ công tác thông tin lưu động
8	UBND huyện Bình Đại				
8.1	Phòng TNMT huyện				
		Xe phun nước 6m ³	1	1,550,000	Rửa đường, tưới cây xanh
		Xe chuyên dùng chở rác 6 m ³ (3,5 tấn)	2	1,500,000	Xử lý rác trên địa bàn huyện
8.2	Trung tâm VH TT và truyền thanh huyện				
		Xe chuyên dùng cho văn hóa TT và truyền thanh	1	1,000,000	Phục vụ công tác thông tin lưu động
9	UBND huyện Mỏ Cày				

TT	Cơ quan, tổ chức, đơn vị	Chủng loại xe ô tô chuyên dùng	Số lượng xe ô tô chuyên dùng tối đa được trang bị cho 01 cơ quan, tổ chức, đơn vị (chiếc)	Mức giá tối đa trang bị cho 01 xe (ngàn đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
	Bắc				
9.1	Phòng TNMT huyện				
		Xe phun nước 6m ³	1	1,550,000	Rửa đường, tưới cây xanh
		Xe chuyên dùng chở rác 6 m ³ (3,5 tấn)	2	1,500,000	Xử lý rác trên địa bàn huyện
9.2	Trung tâm VH TT và truyền thanh huyện				
		Xe chuyên dùng cho văn hóa TT và truyền thanh	1	1,000,000	Phục vụ công tác thông tin lưu động
10	UBND huyện Mỏ Cày Nam				
10.1	Phòng TNMT huyện				
		Xe phun nước 6m ³	1	1,500,000	Rửa đường, tưới cây xanh
		Xe chuyên dùng chở rác 6 m ³ (3,5 tấn)	2	1,500,000	Xử lý rác trên địa bàn huyện
10.2	Trung tâm VH TT và truyền thanh huyện				
		Xe chuyên dùng cho văn hóa TT và truyền thanh	1	1,000,000	Phục vụ công tác thông tin lưu động
11	Sở Văn hóa thể thao & DL				
11.1	Trường năng khiếu thể dục thể thao tỉnh				
		Xe ô tô trên 16 chỗ ngồi	1	1,050,000	Chở học sinh (đội tuyển các môn thể thao) đi luyện tập và thi đấu

TT	Cơ quan, tổ chức, đơn vị	Chủng loại xe ô tô chuyên dùng	Số lượng xe ô tô chuyên dùng tối đa được trang bị cho 01 cơ quan, tổ chức, đơn vị (chiếc)	Mức giá tối đa trang bị cho 01 xe (ngàn đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
		Xe khách 29 chỗ	1	1,600,000	Chở học sinh (đội tuyển các môn thể thao) đi luyện tập và thi đấu
11.2	Đoàn nghệ thuật cải lương				
		Xe khách 34 chỗ	1	1,600,000	Chở diễn viên đi biểu diễn
		Xe ô tô tải	1	900,000	Chở sân khấu, âm thanh, ánh sáng
11.3	Trung tâm văn hóa - điện ảnh tỉnh Bến Tre				
		Xe khách 29 chỗ	1	1,600,000	Chở diễn viên, nhạc công, kỹ thuật viên, đội viên Đội thông tin lưu động đi biểu diễn
		Xe ô tô bán tải	1	1,000,000	Phục vụ công tác thông tin lưu động
		Xe ô tô tải	1	900,000	Chở âm thanh, nhạc cụ, pano, cò ...
12	Sở NN và PT nông thôn				
12.1	Văn phòng Sở				
		Xe ô tô 4 chỗ	1	720,000	Xe ưu tiên chuyên dùng phòng chống thiên tai, xe biển số hộ đê
12.2	Chi Cục chăn nuôi và thú y				
		Xe ô tô tải 560 kg	1	250,000	Chở vật tư phòng chống dịch bệnh
12.3	Chi Cục thủy lợi				

TT	Cơ quan, tổ chức, đơn vị	Chủng loại xe ô tô chuyên dùng	Số lượng xe ô tô chuyên dùng tối đa được trang bị cho 01 cơ quan, tổ chức, đơn vị (chiếc)	Mức giá tối đa trang bị cho 01 xe (ngàn đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
		Xe ô tô bán tải	1	1,000,000	Xe ưu tiên chuyên dùng phòng chống thiên tai, xe biển số hộ đê
12.4	Trung tâm nước sạch và VSMTNT				
		Xe ô tô tải	1	900,000	Chuyên chở vật tư, trang thiết bị ngành nước
12.5	Trung tâm NN ứng dụng công nghệ cao				
		Xe ô tô bán tải	1	1,000,000	Chuyên chở hàng hóa, sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao ... để tham gia hội chợ, thực hiện mô hình trình diễn, giới thiệu sản phẩm
12.6	Chi Cục kiểm lâm				
		Xe ô tô bán tải	1	1,000,000	Phục vụ công tác chuyên dùng kiểm lâm
12.7	Chi cục trồng trọt và BVTV				
		Xe ô tô bán tải	1	1,000,000	Phục vụ chuyên môn lấy mẫu vật tư nông nghiệp
13	Sở Giao thông vận tải				
13.1	Thanh tra Sở				
		Xe ô tô bán tải	3	1,000,000	Phục vụ công tác thanh tra
		Xe trạm cân	1		Bộ cấp (xe trạm cân)
13.2	Cảng vụ đường thủy nội địa				
		Xe ô tô bán tải	1	1,000,000	
14	Sở Khoa học và công nghệ				

TT	Cơ quan, tổ chức, đơn vị	Chủng loại xe ô tô chuyên dùng	Số lượng xe ô tô chuyên dùng tối đa được trang bị cho 01 cơ quan, tổ chức, đơn vị (chiếc)	Mức giá tối đa trang bị cho 01 xe (ngàn đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
14.1	Chi Cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng				
		Xe ô tô bán tải	1	1,000,000	Phục vụ công tác kiểm định
14.2	Trung tâm ứng dụng tiên bộ KH và công nghệ				
		Xe ô tô bán tải	1	1,000,000	Chở các sản phẩm của Trung tâm nghiên cứu
15	Sở Lao động TB và XH				
15.1	Trung tâm cung cấp dịch vụ công tác xã hội				
		Xe ô tô trên 16 chỗ ngồi	1	1,050,000	Theo đề án 32 và đề án 1215
16	Đài phát thanh và truyền hình				
		Xe chuyên dùng	1	20,000,000	Phục vụ việc truyền hình trực tiếp
		Xe ô tô tải	1	900,000	Chở thiết bị cần thiết cho truyền hình trực tiếp
17	Ban QLDA PT hạ tầng các khu công nghiệp				
		Xe ô tô gắn thiết bị chuyên dùng (4m3)	1	900,000	Sử dụng tưới cây xanh, thăm cỏ trong khu công nghiệp
		Xe ô tô gắn thiết bị chuyên dùng (8m3)	3	2,500,000	Sử dụng tưới cây xanh, thăm cỏ trong khu công nghiệp

TT	Cơ quan, tổ chức, đơn vị	Chủng loại xe ô tô chuyên dùng	Số lượng xe ô tô chuyên dùng tối đa được trang bị cho 01 cơ quan, tổ chức, đơn vị (chiếc)	Mức giá tối đa trang bị cho 01 xe (ngàn đồng)	Ghi chú
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>
		Xe ô tô có kết cấu đặc biệt (xe càn cầu)	2	1,200,000	Sửa chữa điện, cắt tỉa cây xanh trong khu CN
		Xe vệ sinh mặt đường	1	1,500,000	Vệ sinh mặt đường
		Xe ô tô tải	1	900,000	Vận chuyển vật tư phục vụ Trạm xử lý nước thải
18	Trường Cao đẳng Bến Tre				
		Ô tô con 4 chỗ tập lái	20	570,000	Tập lái
19	Ban an toàn giao thông tỉnh				
		Xe ô tô bán tải	1	1,000,000	Phục vụ cho công tác an toàn giao thông
20	Văn phòng điều phối chương trình xây dựng nông thôn mới				
		Xe ô tô bán tải	1	1,000,000	Phục vụ công tác của Ban chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh